

PHỤ LỤC BỘ CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG TÁC ĐỘNG CỦA KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẠI ĐỊA PHƯƠNG

1. BỘ CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG

Bộ chỉ số được đề xuất lựa chọn được chất lọc từ ba nguồn chính: (i) Bộ chỉ số Đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII, với 37 chỉ số, chiếm 58,73%; (ii) Bộ chỉ số đo lường hiệu quả của KH&CN, ĐMST và CDS do Cục Thông tin, Thống kê xây dựng (Cục TTTK) đã trình Thủ tướng Chính phủ (với 17 chỉ số, chiếm 26,98%); (iii) Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI, với 9 chỉ số, chiếm 14,29%)¹, gồm 63 chỉ số:

TT	Tên chỉ số	Thuộc bộ chỉ số	Ghi chú
1.	Ban hành và tổ chức thực hiện các chính sách thúc đẩy phát triển và ứng dụng KH&CN&ĐMST phục vụ phát triển KT-XH của địa phương	PII	Thuộc nhóm đầu vào
2.	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	PII	Thuộc nhóm đầu vào
3.	Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp	PII	Thuộc nhóm đầu vào
4.	Chi phí gia nhập thị trường	PII	Thuộc nhóm đầu vào
5.	Tính năng động và tiên phong của chính quyền địa phương	PII	Thuộc nhóm đầu vào
6.	Cải cách hành chính	PII	Thuộc nhóm đầu vào
7.	Cạnh tranh bình đẳng	PII	Thuộc nhóm đầu vào
8.	Nhân lực NC&PT (toàn thời gian)/10,000 dân	PII	Thuộc nhóm đầu vào
9.	Tỉ lệ chi cho khoa học và công nghệ từ ngân sách địa phương/ GRDP (%)	PII	Thuộc nhóm đầu vào
10.	Chi nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ/GRDP (%)	PII	Thuộc nhóm đầu vào
11.	Số tổ chức KH&CN/10,000 dân	PII	Thuộc nhóm đầu vào
12.	Tỷ lệ thôn, bản được phủ sóng di động băng rộng	DTI	Thuộc nhóm đầu vào
13.	Tỷ lệ thôn, bản được phủ băng rộng cố định	DTI	Thuộc nhóm đầu vào
14.	Tỷ lệ thuê bao băng rộng di động/100 dân	DTI	Thuộc nhóm đầu vào
15.	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cáp quang	DTI	Thuộc nhóm đầu vào
16.	Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ Chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây	DTI	Thuộc nhóm đầu vào

¹ Đối với các chỉ số không do địa phương cung cấp. Bộ Khoa học và Công nghệ sẽ có chỉ đạo các Cục/Vụ/cơ quan liên quan (như: Cục Sở hữu trí tuệ, Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Cục Khởi nghiệp và Doanh nghiệp công nghệ,...) cung cấp dưới dạng dữ liệu mở để địa phương có thể truy cập và cập nhật được. Đối với dữ liệu từ các nguồn khác (Ví dụ: VCCI, Ngân hàng nhà nước,...), Bộ Khoa học và Công nghệ sẽ làm việc để hỗ trợ các địa phương cập nhật dữ liệu.

17.	Mức độ triển khai các nền tảng số dùng chung	DTI	Thuộc nhóm đầu vào
18.	Mức độ ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI)	DTI	Thuộc nhóm đầu vào
19.	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong tổng sản phẩm địa phương	Cục TTTK	Thuộc nhóm đầu ra
20.	Giá trị gia tăng của sản phẩm các ngành kinh tế đóng góp vào GRDP	Cục TTTK	Thuộc nhóm đầu ra
21.	Tỷ trọng đóng góp của các khu công nghệ cao (CNC) vào GRDP	Cục TTTK	Thuộc nhóm đầu ra
22.	Tốc độ tăng năng suất lao động (NSLĐ) bình quân	Cục TTTK	Thuộc nhóm đầu ra
23.	Tỷ trọng đóng góp của TFP vào tăng trưởng kinh tế	Cục TTTK	Thuộc nhóm đầu ra
24.	Tỷ trọng giá trị xuất khẩu sản phẩm CNC trong tổng giá trị xuất khẩu hàng hóa	Cục TTTK	Thuộc nhóm đầu ra
25.	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo (ĐMST)	Cục TTTK	Thuộc nhóm đầu ra
26.	Số lượng doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực S.T.I.D	Cục TTTK	Thuộc nhóm đầu ra
27.	Tỷ lệ chi đào tạo lao động/tổng chi của doanh nghiệp	PII	Thuộc nhóm đầu ra
28.	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động NC&PT	PII	Thuộc nhóm đầu ra
29.	Hợp tác nghiên cứu giữa tổ chức KH&CN và doanh nghiệp	PII	Thuộc nhóm đầu ra
30.	Số dự án đầu tư trong các KCN/1,000 DN chế biến chế tạo	PII	Thuộc nhóm đầu ra
31.	Số dự án đầu tư trong các cụm CN/1,000 DN chế biến chế tạo	PII	Thuộc nhóm đầu ra
32.	Đầu tư trực tiếp của nước ngoài/GRDP	PII	Thuộc nhóm đầu ra
33.	Số DN có chứng chỉ ISO/1,000 doanh nghiệp	PII	Thuộc nhóm đầu ra
34.	Tăng trưởng doanh thu của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực S.T.I.D	Cục TTTK	Thuộc nhóm đầu ra
35.	Số lượng hợp đồng chuyển giao công nghệ (CGCN)	Cục TTTK	Thuộc nhóm đầu ra
36.	Tỷ trọng giá trị hợp đồng CGCN trong GRDP	Cục TTTK	Thuộc nhóm đầu ra
37.	Đơn đăng kí sáng chế, GPHI/10,000 dân	PII	Thuộc nhóm đầu ra
38.	Đơn đăng kí giống cây trồng/10,000 dân	PII	Thuộc nhóm đầu ra
39.	Đơn đăng kí nhãn hiệu/1,000 DN [Nguồn: Cục SHTT]	PII	Thuộc nhóm đầu ra
40.	Đơn đăng kí kiểu dáng công nghiệp/10,000 dân	PII	Thuộc nhóm đầu ra
41.	Tỷ lệ giống cây trồng, chăn nuôi, thủy sản có văn bằng bảo hộ được ứng dụng vào sản xuất	Cục TTTK	Thuộc nhóm đầu ra
42.	Số lượng hợp đồng chuyển giao công nghệ (CGCN)	Cục TTTK	Thuộc nhóm đầu ra

43.	Giá trị các hợp đồng CGCN	Cục TTTK	Thuộc nhóm đầu ra
44.	Tỷ lệ sáng chế, GPHI, giống cây trồng, chăn nuôi, thủy sản được ứng dụng, chuyển giao	Cục TTTK	Thuộc nhóm đầu ra
45.	Giá trị xuất khẩu sản phẩm công nghiệp công nghệ thông tin	Cục TTTK	Thuộc nhóm đầu ra
46.	Doanh thu từ dịch vụ khoa học và công nghệ	Cục TTTK	Thuộc nhóm đầu ra
47.	Tín dụng cho khu vực tư nhân/1,000 lao động (tỷ đồng)	PII	Thuộc nhóm đầu ra
48.	Tài chính vi mô/GRDP	PII	Thuộc nhóm đầu ra
49.	Vốn SXKD bình quân hàng năm của các DN đang hoạt động (tỷ đồng)	PII	Thuộc nhóm đầu ra
50.	Giá trị tài sản cố định và đầu tư tài chính dài hạn của các DN đang hoạt động (tỷ đồng)	PII	Thuộc nhóm đầu ra
51.	Số DN ngành dịch vụ và chuyên môn KH&CN/1,000 DN đang hoạt động	PII	Thuộc nhóm đầu ra
52.	Mật độ doanh nghiệp trên 1,000 dân	PII	Thuộc nhóm đầu ra
53.	Đóng góp trong GDP cả nước (%)	PII	Thuộc nhóm đầu ra
54.	Tỷ trọng kinh tế số trong GDP	DTI	Thuộc nhóm đầu ra
55.	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GDP	DTI	Thuộc nhóm đầu ra
56.	Chỉ số sản xuất công nghiệp	PII	Thuộc nhóm đầu ra
57.	Số sản phẩm OCOP 4 sao trở lên/tổng số xã	PII	Thuộc nhóm đầu ra
58.	Giá trị xuất khẩu/GRDP	PII	Thuộc nhóm đầu ra
59.	Tốc độ tăng năng suất lao động	PII	Thuộc nhóm đầu ra
60.	Tốc độ giảm nghèo	PII	Thuộc nhóm đầu ra
61.	Tỷ lệ lao động có việc làm trong nền kinh tế/tổng dân số	PII	Thuộc nhóm đầu ra
62.	Chỉ số thu nhập bình quân đầu người	PII	Thuộc nhóm đầu ra
63.	Chỉ số phát triển con người	PII	Thuộc nhóm đầu ra

II. GIẢI THÍCH Ý NGHĨA, PHƯƠNG PHÁP ĐO CỦA CÁC CHỈ SỐ

A. NHÓM TIÊU CHÍ ĐẦU VÀO

1. Thể chế

1.1. Môi trường chính sách (7 chỉ số)

1.1.1. Ban hành và tổ chức thực hiện các chính sách thúc đẩy phát triển và ứng dụng KHCN&ĐMST phục vụ phát triển KT-XH của địa phương

<i>Ý nghĩa</i>	Thể hiện sự quan tâm của chính quyền địa phương trong việc xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện các chính sách, quy định để phát triển KHCN&ĐMST và thúc đẩy KHCN&ĐMST đóng góp vào phát triển kinh tế-xã hội.
<i>Giải thích</i>	Các văn bản của địa phương quy định, triển khai thực hiện các chính sách, quy định pháp luật của Nhà nước về tạo điều kiện thuận lợi cho ĐMST là các kế hoạch, chiến lược, quy hoạch, đề án, quy định... được Tỉnh ủy (Thành ủy), Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành dưới hình thức Nghị quyết của Tỉnh ủy (Thành ủy), Nghị quyết của Hội đồng nhân dân hoặc Quyết định của UBND cấp tỉnh và hiện đang có hiệu lực thực thi. Phạm vi các văn bản quy định chính sách, pháp luật của địa phương tạo điều kiện thuận lợi cho ĐMST được tính điểm cho chỉ số ĐMST cấp địa phương bao gồm: 1. Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa: là các chương trình/kế hoạch, quy định của địa phương nhằm hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa (thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 – 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31/8/2020). 2. Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ: Các chương trình/kế hoạch, quy định, chính sách của địa phương nhằm hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, thực hiện Luật Chuyển giao công nghệ và các quy định pháp luật liên quan khác. 3. Hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp: các chương trình/kế hoạch, quy định, chính sách của địa phương nhằm phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp (thực hiện Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST quốc gia đến năm 2025 theo Quyết định 844/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ). 4. Hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ: các chương trình/kế hoạch, quy định, chính sách của địa phương nhằm hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ (thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24/12/2020, thực hiện Chiến lược sở hữu trí tuệ do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22/8/2019). 5. Hỗ trợ phát triển thị trường công nghệ: các chương trình/kế hoạch, quy định, chính sách của địa phương nhằm phát triển thị trường khoa học và công nghệ (thực hiện Chương trình phát triển thị trường KH&CN quốc gia đến năm 2030 do Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định 1158/QĐ-TTg ngày 13/7/2021). 6. Chuyển đổi số: các chương trình/kế hoạch, quy định, chính sách, chương trình, kế hoạch chuyển đổi số ở địa phương (thực hiện

	Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020). 7. Phát triển công nghệ cao, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: các chương trình/kế hoạch, quy định, chính sách về phát triển công nghệ cao, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (thực hiện Luật Công nghệ cao). 8. Phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cụm công nghiệp làng nghề: các chương trình/kế hoạch, quy định, chính sách về phát triển công nghiệp hỗ trợ, cụm công nghiệp (thực hiện các Nghị định của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ; quản lý, phát triển cụm công nghiệp). 9. Phát triển sản phẩm nông nghiệp, phát triển nông thôn: các chương trình/kế hoạch, quy định, chính sách về phát triển sản phẩm nông nghiệp địa phương (Chương trình OCOP, tham gia sàn thương mại điện tử, phát triển kinh tế số). 10. Phát triển dịch vụ logistics: các chương trình/kế hoạch, quy định, chính sách phát triển dịch vụ logistics của địa phương (thực hiện Quyết định 221/QĐ-TTg năm 2021 và Quyết định 200/QĐ-TTg năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch hành động nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics Việt Nam đến năm 2025). 11. Phát triển và thu hút nhân lực: các chương trình/kế hoạch, quy định, chính sách phát triển và thu hút nhân lực của địa phương. Ví dụ: Nghị quyết 11/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Bình Định ngày 20/7/2022 ban hành quy định chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực tỉnh Bình Định giai đoạn 2022-2025. 12. Phát triển văn hóa, nghệ thuật, du lịch: các chương trình/kế hoạch, quy định, chính sách phát triển văn hóa, nghệ thuật, du lịch của địa phương. 13. Triển khai thực hiện Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030. 14. Các văn bản chính sách khác có liên quan đến KHCN&ĐMST còn lực mà chưa được liệt kê theo các lĩnh vực ở trên (nếu có) thì cung cấp thêm thông tin cụ thể về văn bản đó: <i>số hiệu văn bản, cơ quan ban hành, tên văn bản, ngày ban hành, nội dung liên quan chính về KHCN&ĐMST</i>).
Cách tính	Chỉ số 1.1.1. = Điểm số thành phần A + Điểm số thành phần B Trong đó, Điểm số thành phần A = Điểm số về nội dung; Điểm số thành phần B = Điểm số về số lượng 1. Cách tính Điểm số về nội dung (A) Điểm số về nội dung được tính theo nội dung văn bản liên quan đến các lĩnh vực cụ thể và cơ quan ban hành các văn bản này. Với mỗi lĩnh vực, điểm số về nội dung được tính như sau:

	Có văn bản của Tỉnh ủy/Thành ủy liên quan đến lĩnh vực được đề cập: 02 điểm Có văn bản của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh liên quan đến lĩnh vực được đề cập: 01 điểm Có văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan đến lĩnh vực được đề cập: 01 điểm. - Điểm số về nội dung tối đa cho mỗi lĩnh vực được đề cập = 4 điểm - Điểm số về nội dung tối thiểu cho mỗi lĩnh vực được đề cập = 0 điểm Công thức tính Điểm số nội dung: $\text{Điểm số về nội dung văn bản ban hành của tỉnh } i (A_i) = ai_1 + ai_2 + \dots + ai_n$ Với: n - là số lượng các lĩnh vực được đề cập. 2. Cách tính Điểm số về số lượng (B) Điểm số về số lượng dựa trên tổng số văn bản có liên quan đến các lĩnh vực cụ thể được đề cập. Dữ liệu về số lượng văn bản của các địa phương sẽ được tổng hợp và xử lý ngoại lệ và tìm ra giá trị lớn nhất để sử dụng làm mẫu số tính toán tỷ lệ của điểm số thành phần về số lượng. Công thức tính điểm số số lượng của tỉnh i: $\text{Điểm số về số lượng văn bản ban hành của tỉnh } i (B_i) = \frac{b_i}{b_{\max}}$ Trong đó: b_i - là tổng số lượng văn bản ban hành của tỉnh i liên quan đến các lĩnh vực được đề cập; $b_{\max}$ – Giá trị lớn nhất của tổng số văn bản ban hành của các địa phương (sau khi đã được xử lý ngoại lệ dữ liệu). Như vậy: $\text{Điểm số Chỉ số 1.1.1. của tỉnh } i = A_i + B_i = ai_1 + ai_2 + \dots + ai_n + \frac{b_i}{b_{\max}}$
<i>Nguồn dữ liệu</i>	Hệ thống cơ sở dữ liệu văn bản của địa phương
<i>Đơn vị cung cấp dữ liệu</i>	Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, đầu mối. Văn phòng Tỉnh ủy (Thành ủy), UBND, HĐND tỉnh/thành phố, Sở Tư pháp, và các sở, ban ngành của địa phương phối hợp.
<i>Tài liệu minh</i>	Bản sao các văn bản

<i>chứng</i>	
1.1.2. Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	
<i>Giải thích</i>	Đây là chỉ số thành phần thuộc Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của Việt Nam (PCI) do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) xây dựng và công bố hàng năm. Chỉ số thành phần Thiết chế pháp lý và An ninh trật tự gồm 18 chỉ tiêu: (i) Hệ thống pháp luật có cơ chế giúp DN tố cáo hành vi sai phạm của CBNN; (ii) Tỷ lệ DN tin tưởng vào khả năng bảo vệ của pháp luật về vấn đề bản quyền hoặc thực thi hợp đồng; (iii) Tỷ lệ DN sẵn sàng sử dụng tòa án để giải quyết các tranh chấp, (iv) Tỷ lệ DN tin rằng cấp trên không bao che và sẽ nghiêm túc xử lý kỷ luật cán bộ sai phạm; (v) Tòa án các cấp của tỉnh xét xử các vụ kiện kinh tế đúng pháp luật, (vi) Tòa án các cấp của tỉnh xử các vụ kiện kinh tế nhanh chóng, (vii) Phán quyết của tòa án được thi hành nhanh chóng, (viii) Các cơ quan trợ giúp pháp lý hỗ trợ doanh nghiệp dùng luật để khởi kiện khi có tranh chấp; (ix) Các chi phí chính thức từ khi khởi kiện đến khi bản án được thi hành ở mức chấp nhận được; (x) Các chi phí không chính thức từ khi khởi kiện đến khi bản án được thi hành ở mức chấp nhận được; (xi) Phán quyết của tòa án là công bằng; (xii) Số lượng vụ việc tranh chấp của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Tòa án kinh tế cấp tỉnh thụ lý trên 100 doanh nghiệp; (xiii) Tỷ lệ nguyên đơn ngoài quốc doanh trên tổng số nguyên đơn tại Tòa án kinh tế tỉnh; (xiv) Tỷ lệ các vụ án kinh tế đã được giải quyết; (xv) Tình hình an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh là tốt; (xvi) Tỷ lệ DN bị trộm cắp hoặc đột nhập vào năm vừa qua; (xvii) Cơ quan công an sở tại xử lý vụ việc của DN hiệu quả; (xviii) Tỷ lệ DN phải trả tiền bảo kê cho các băng nhóm côn đồ, tổ chức xã hội đen để yên ổn làm ăn.
<i>Cách tính</i>	52 chỉ số thành phần trong PII được chuẩn hóa về một thang đo chung trong khoảng [0, 100], với ngầm định rằng địa phương có điểm số càng cao thì kết quả của họ càng tốt. Phương pháp được sử dụng để chuẩn hóa là phương pháp min – max, trong đó các “min” và “max” tương ứng với các giá trị nhỏ nhất và lớn nhất đối với các chỉ số thuận và ngược lại với các chỉ số nghịch. Công thức dưới đây mô tả phương pháp min – max: Chỉ số thuận: Điểm số chuẩn hóa của địa phương $i = \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \text{min}}{\text{max} - \text{min}} * 100$ Chỉ số nghịch đảo (trong PII 2024 có 1 chỉ số nghịch đảo là chỉ số 4.1.2. Tài chính vi mô/GRDP): Điểm số chuẩn hóa của địa phương $i = 100 - \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \text{min}}{\text{max} - \text{min}} * 100$
<i>Nguồn dữ liệu</i>	VCCI, Báo cáo năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI

1.1.3. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp [Nguồn: PCI-VCCI]

<i>Giải thích</i>	Đây là chỉ số thành phần thuộc Chỉ số PCI do VCCI xây dựng và công bố hàng năm. Chỉ số thành phần Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp gồm 13 chỉ tiêu: (i) Thủ tục tiếp cận tín dụng cho DN NVV là dễ thực hiện; (ii) Thủ tục tiếp cận hỗ trợ nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp là dễ thực hiện; (iii) Thủ tục tiếp cận mặt bằng tại các KCN/CCN là dễ thực hiện, (iv) Thủ tục tiếp cận dịch vụ tư vấn pháp luật là dễ thực hiện; (v) Thủ tục tiếp cận dịch vụ tư vấn thông tin thị trường là dễ thực hiện, (vi) Thủ tục tiếp cận các chương trình đào tạo, tập huấn về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp là dễ thực hiện, (vii) Thủ tục tiếp cận các chương trình đào tạo nghề cho người lao động là dễ thực hiện, (viii) Chất lượng cung cấp thông tin liên quan đến các FTA của các CQNN địa phương đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp; (ix) Vướng mắc trong thực hiện các văn bản thực thi các hiệp định thương mại tự do (FTA) được CQNN địa phương giải đáp hiệu quả; (x) Tỷ lệ DN có biết đến các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng cơ hội của các FTAs; (xi) Tỷ lệ DN đánh giá việc thực hiện thủ tục để hưởng hỗ trợ từ chương trình hỗ trợ DN tận dụng cơ hội từ các FTAs là thuận lợi; (xii) Tỷ lệ nhà cung cấp dịch vụ trên tổng số doanh nghiệp; (xiii) Tỷ lệ nhà cung cấp tư nhân và nước ngoài trên tổng số nhà cung cấp dịch vụ. Chỉ số này được VCCI tổng hợp và quy chuẩn theo thang điểm 0-10.
<i>Cách tính</i>	52 chỉ số thành phần trong PII được chuẩn hóa về một thang đo chung trong khoảng [0, 100], với ngầm định rằng địa phương có điểm số càng cao thì kết quả của họ càng tốt. Phương pháp được sử dụng để chuẩn hóa là phương pháp min – max, trong đó các “min” và “max” tương ứng với các giá trị nhỏ nhất và lớn nhất đối với các chỉ số thuận và ngược lại với các chỉ số nghịch. Công thức dưới đây mô tả phương pháp min – max: Chỉ số thuận: Điểm số chuẩn hóa của địa phương $i = \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \text{min}}{\text{max} - \text{min}} * 100$ Chỉ số nghịch đảo (trong PII 2024 có 1 chỉ số nghịch đảo là chỉ số 4.1.2. Tài chính vi mô/GRDP): Điểm số chuẩn hóa của địa phương $i = 100 - \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \text{min}}{\text{max} - \text{min}} * 100$
<i>Nguồn dữ liệu</i>	VCCI, Báo cáo năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI

1.2. Môi trường kinh doanh

1.2.1. Chi phí gia nhập thị trường [Nguồn: PCI-VCCI]

<i>Giải thích</i>	Đây là chỉ số thành phần thuộc Chỉ số PCI do VCCI xây dựng và công bố hàng năm. Chỉ số thành phần Chi phí gia nhập thị trường gồm 19 chỉ tiêu: (i) Thời gian đăng ký doanh nghiệp; (ii) Tỷ lệ DN cho biết phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ ĐKDN từ 2 lần trở lên; (iii) Thời gian thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, (iv) Tỷ lệ DN đăng ký hoặc sửa đổi ĐKDN thông qua hình thức mới như đăng
-------------------	--

	ký trực tuyến, đăng ký ở trung tâm hành chính công hoặc qua bưu điện; (v) Thủ tục tại bộ phận Một cửa được niêm yết công khai, (vi) Hướng dẫn thủ tục rõ ràng, đầy đủ tại bộ phận Một cửa, (vii) Cán bộ tại bộ phận Một cửa am hiểu về chuyên môn, (viii) Cán bộ tại bộ phận Một cửa nhiệt tình, thân thiện; (ix) Việc khai trình việc sử dụng lao động, đề nghị cấp mã số đơn vị tham gia bảo hiểm xã hội và đăng ký sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp được thực hiện đồng thời trong quá trình thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp; (x) Hướng dẫn thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện là rõ ràng, đầy đủ; (xi) Doanh nghiệp không gặp khó khăn gì khi thực hiện thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện; (xii) Quy trình giải quyết thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện đúng như văn bản quy định; (xiii) Thời gian thực hiện thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện không kéo dài hơn so với văn bản quy định; (xiv) Chi phí cấp phép kinh doanh có điều kiện không vượt quá mức phí, lệ phí được quy định trong văn bản pháp luật; (xv) Tỷ lệ DN phải trì hoãn/hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục ĐKDN; (xvi) Tỷ lệ DN phải hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục sửa đổi ĐKDN; (xvii) Tỷ lệ DN phải hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh có điều kiện; (xviii) Tỷ lệ DN phải chờ hơn MỘT tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động; (xix) Tỷ lệ DN phải chờ hơn BA tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động. Chỉ số này được VCCI tổng hợp và quy chuẩn theo thang điểm 0-10.
<i>Cách tính</i>	52 chỉ số thành phần trong PII 2024 được chuẩn hóa về một thang đo chung trong khoảng [0, 100], với ngầm định rằng địa phương có điểm số càng cao thì kết quả của họ càng tốt. Phương pháp được sử dụng để chuẩn hóa là phương pháp min – max, trong đó các “min” và “max” tương ứng với các giá trị nhỏ nhất và lớn nhất đối với các chỉ số thuận và ngược lại với các chỉ số nghịch. Công thức dưới đây mô tả phương pháp min – max: Chỉ số thuận: Điểm số chuẩn hóa của địa phương $i = \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \text{min}}{\text{max} - \text{min}} * 100$ Chỉ số nghịch đảo (trong PII 2024 có 1 chỉ số nghịch đảo là chỉ số 4.1.2. Tài chính vi mô/GRDP): Điểm số chuẩn hóa của địa phương $i = 100 - \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \text{min}}{\text{max} - \text{min}} * 100$
<i>Nguồn dữ liệu</i>	VCCI, Báo cáo năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI

1.2.2. Tính năng động và tiên phong của chính quyền địa phương [Nguồn: PCI-VCCI]

<i>Giải thích</i>	Đây là chỉ số thành phần thuộc Chỉ số PCI do VCCI xây dựng và công bố hàng năm. Chỉ số thành phần Tính năng động và tiên phong của chính quyền địa phương gồm 09 chỉ tiêu (i) Tỷ lệ doanh nghiệp quan sát thấy thái độ của chính quyền tỉnh đối với khu vực tư nhân là tích cực; (ii) Phản ứng của tỉnh khi có điểm chưa rõ trong chính sách/văn bản trung ương: “trì hoãn thực hiện và xin
-------------------	--

	ý kiến chỉ đạo” và “không làm gì”; (iii) Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá "Các Sở ngành không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh", (iv) Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với nhận định "UBND tỉnh linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi"; (v) UBND tỉnh năng động và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề mới phát sinh, (vi) Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá "Chính quyền cấp huyện, thị xã không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh, thành phố", (vii) Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với nhận định "Các khó khăn, vướng mắc được tháo gỡ kịp thời qua các cuộc đối thoại, tiếp xúc doanh nghiệp tại tỉnh" (viii) Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với nhận định "Chủ trương, chính sách của tỉnh, thành phố đối với việc tạo thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động là ổn định và nhất quán"; (ix) Tỷ lệ DN tin tưởng rằng lãnh đạo địa phương đã hành động để thực hiện các cam kết cải thiện môi trường kinh doanh của mình. Chỉ số này được VCCI tổng hợp và quy chuẩn theo thang điểm 0-10.
<i>Cách tính</i>	52 chỉ số thành phần trong PII 2024 được chuẩn hóa về một thang đo chung trong khoảng [0, 100], với ngầm định rằng địa phương có điểm số càng cao thì kết quả của họ càng tốt. Phương pháp được sử dụng để chuẩn hóa là phương pháp min – max, trong đó các “min” và “max” tương ứng với các giá trị nhỏ nhất và lớn nhất đối với các chỉ số thuận và ngược lại với các chỉ số nghịch. Công thức dưới đây mô tả phương pháp min – max: Chỉ số thuận: Điểm số chuẩn hóa của địa phương $i = \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \text{min}}{\text{max} - \text{min}} * 100$ Chỉ số nghịch đảo (trong PII 2024 có 1 chỉ số nghịch đảo là chỉ số 4.1.2. Tài chính vi mô/GRDP): Điểm số chuẩn hóa của địa phương $i = 100 - \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \text{min}}{\text{max} - \text{min}} * 100$
<i>Nguồn dữ liệu</i>	VCCI, Báo cáo năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI

1.2.3. Cải cách hành chính [Nguồn: PAR Index-Bộ Nội vụ]

<i>Giải thích</i>	Chỉ số Cải cách hành chính (CCHC) được Bộ Nội vụ xây dựng và công bố hàng năm. Năm 2024, Bộ Nội vụ đã công bố báo cáo CCHC năm 2023, trong đó có Chỉ số CCHC cấp tỉnh. Bộ tiêu chí xác định chỉ số CCHC gồm 8 lĩnh vực, 37 tiêu chí và 88 tiêu chí thành phần. Cụ thể: (i) Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính: 07 tiêu chí và 02 tiêu chí thành phần; (ii) Cải cách thể chế: 04 tiêu chí và 08 tiêu chí thành phần; (iii) Cải cách thủ tục hành chính: 05 tiêu chí và 14 tiêu chí thành phần; (iv) Cải cách tổ chức bộ máy: 03 tiêu chí và 12 tiêu chí thành phần; (v) Cải cách chế độ công vụ: 07 tiêu chí và 16 tiêu chí thành phần; (vi) Cải cách tài chính công: 03 tiêu chí và 14 tiêu chí thành phần; (vii) Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số: 03 tiêu chí và 14 tiêu chí thành phần; (viii) Tác động của CCHC đến người dân, tổ chức và các chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội: 05 tiêu chí và 08 tiêu chí thành phần.
-------------------	---

	Chỉ số này được VCCI tổng hợp và quy chuẩn theo thang điểm 0-10.
<i>Cách tính</i>	52 chỉ số thành phần trong PII được chuẩn hóa về một thang đo chung trong khoảng [0, 100], với ngầm định rằng địa phương có điểm số càng cao thì kết quả của họ càng tốt. Phương pháp được sử dụng để chuẩn hóa là phương pháp min – max, trong đó các “min” và “max” tương ứng với các giá trị nhỏ nhất và lớn nhất đối với các chỉ số thuận và ngược lại với các chỉ số nghịch. Công thức dưới đây mô tả phương pháp min – max: Chỉ số thuận: Điểm số chuẩn hóa của địa phương $i = \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \text{min}}{\text{max} - \text{min}} * 100$ Chỉ số nghịch đảo (trong PII 2024 có 1 chỉ số nghịch đảo là chỉ số 4.1.2. Tài chính vi mô/GRDP): Điểm số chuẩn hóa của địa phương $i = 100 - \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \text{min}}{\text{max} - \text{min}} * 100$
<i>Nguồn dữ liệu</i>	Bộ Nội vụ, Báo cáo Cải cách hành chính

1.2.4. *Cạnh tranh bình đẳng [Nguồn: PCI-VCCI]*

<i>Giải thích</i>	Đây là chỉ số thành phần thuộc Chỉ số PCI do VCCI xây dựng và công bố hàng năm. Chỉ số thành phần Cạnh tranh bình đẳng gồm 11 chỉ tiêu: (i) Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với nhận định "Sự quan tâm của chính quyền tỉnh không phụ thuộc vào đóng góp của doanh nghiệp cho địa phương như số lao động sử dụng, số thuế phải nộp hoặc tài trợ/hỗ trợ khác"; (ii) Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với nhận định "Tinh ưu tiên giải quyết các khó khăn cho các doanh nghiệp lớn so với DNNVV trong nước"; (iii) Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với nhận định "Tinh ưu tiên thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp lớn hơn là phát triển DNNVV tại địa phương, (iv) Tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh "Thuận lợi trong việc tiếp cận đất đai là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn"; (v) Tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh "TTHC nhanh chóng hơn là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn, (vi) Tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh "Dễ dàng có được các hợp đồng từ CQNN là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (vii) Tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh "Thuận lợi trong cấp phép khai thác khoáng sản là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn, (viii) Tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh "Thuận lợi trong tiếp cận thông tin là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp" lớn; (ix) Tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh "Miễn, giảm thuế TNDN là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn"; (x) Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với nhận định "Sự ưu đãi của tỉnh cho doanh nghiệp lớn (cả DNNN và DN tư nhân và DN FDI) gây khó khăn cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tôi; (xi) Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với nhận định "Hợp đồng, đất đai,... và các nguồn lực kinh tế khác chủ yếu rơi vào tay các DN có liên kết chặt chẽ với cán bộ chính quyền tỉnh. Chỉ số này được VCCI tổng hợp và quy chuẩn theo thang điểm 0-10.
<i>Cách tính</i>	52 chỉ số thành phần trong PII được chuẩn hóa về một thang đo chung trong khoảng [0, 100], với ngầm định rằng địa phương có

	điểm số càng cao thì kết quả của họ càng tốt. Phương pháp được sử dụng để chuẩn hóa là phương pháp min – max, trong đó các “min” và “max” tương ứng với các giá trị nhỏ nhất và lớn nhất đối với các chỉ số thuận và ngược lại với các chỉ số nghịch. Công thức dưới đây mô tả phương pháp min – max: Chỉ số thuận: Điểm số chuẩn hóa của địa phương $i = \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \text{min}}{\text{max} - \text{min}} * 100$ Chỉ số nghịch đảo (trong PII 2024 có 1 chỉ số nghịch đảo là chỉ số 4.1.2. Tài chính vi mô/GRDP): Điểm số chuẩn hóa của địa phương $i = 100 - \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \text{min}}{\text{max} - \text{min}} * 100$
<i>Nguồn dữ liệu</i>	VCCI, Báo cáo năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI.

2. Nhân lực NC&PT

2.1. Nhân lực NC&PT (toàn thời gian)/10,000 dân [Nguồn: Cục TTTK, Bộ KH&CN]

<i>Giải thích</i>	Nhân lực NC&PT là những người tham gia trực tiếp vào hoạt động NC&PT trong cơ quan/tổ chức và được trả tiền (được thanh toán) cho dịch vụ của họ, bao gồm cán bộ nghiên cứu, nhân viên kỹ thuật, và nhân viên hỗ trợ.
<i>Cách tính</i>	52 chỉ số thành phần trong PII được chuẩn hóa về một thang đo chung trong khoảng [0, 100], với ngầm định rằng địa phương có điểm số càng cao thì kết quả của họ càng tốt. Phương pháp được sử dụng để chuẩn hóa là phương pháp min – max, trong đó các “min” và “max” tương ứng với các giá trị nhỏ nhất và lớn nhất đối với các chỉ số thuận và ngược lại với các chỉ số nghịch. Công thức dưới đây mô tả phương pháp min – max: Chỉ số thuận: Điểm số chuẩn hóa của địa phương $i = \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \text{min}}{\text{max} - \text{min}} * 100$ Chỉ số nghịch đảo (trong PII 2024 có 1 chỉ số nghịch đảo là chỉ số 4.1.2. Tài chính vi mô/GRDP): Điểm số chuẩn hóa của địa phương $i = 100 - \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \text{min}}{\text{max} - \text{min}} * 100$
<i>Nguồn dữ liệu</i>	Cục Thông tin KH&CN Quốc gia, Cục Thống kê, Bộ Tài chính

2.2. Tỷ lệ chi cho khoa học và công nghệ từ ngân sách địa phương/ GRDP (%)

<i>Ý nghĩa</i>	Phản ánh mức độ quan tâm của địa phương tới việc đầu tư, thực hiện các hoạt động KH&CN&ĐMST, góp phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.
<i>Giải thích</i>	Chi khoa học và công nghệ từ ngân sách địa phương (mã 100) gồm: (i) Chi thường xuyên (sự nghiệp), (ii) Chi đầu tư phát triển. 1. Chi thường xuyên (sự nghiệp) KH&CN (Mã 0500), bao gồm: a) Chi thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, bao gồm chi trực tiếp cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ và chi cho các hoạt động quản lý của cơ quan có thẩm quyền đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ, chi tổ chức đánh giá sau nghiệm thu đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ; b) Chi thường xuyên và các nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo quy định pháp luật về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập; c) Cấp vốn điều lệ và vốn bổ sung cho các quỹ quốc gia của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ; d) Đào tạo và bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý và cán bộ nghiên cứu về khoa học và công nghệ ở trong nước và nước ngoài; đ) Mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; mua công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ; hỗ trợ chuyển giao và nhập khẩu công nghệ; e) Thuê chuyên gia, tổ chức tư vấn trong nước và nước ngoài; g) Xúc tiến ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ; h) Hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, ươm tạo và đổi mới công nghệ; i) Tuyên truyền, phổ biến kiến thức, truyền thông, hoạt động thông tin và thống kê khoa học và công nghệ; tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế; k) Hỗ trợ đăng ký và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, hoạt động tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng, công bố kết quả nghiên cứu khoa học; khen thưởng, giải thưởng khoa học và công nghệ; l) Hỗ trợ các hoạt động hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ: Tham gia hội nghị, hội thảo quốc tế; khảo sát tìm kiếm các thông tin về khoa học và công nghệ, các nguồn cung ứng công nghệ ở nước ngoài; tham gia các hoạt động, sự kiện, diễn đàn về khoa học và công nghệ quốc tế; niên liễm tham gia các tổ chức quốc tế về khoa học và công nghệ; vốn đối ứng các dự án quốc tế về khoa học và công nghệ; bảo đảm hoạt động của mạng lưới đại diện khoa học và công nghệ ở nước ngoài; m) Chi cho công tác duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất - kỹ thuật và trang thiết bị phục vụ hoạt động khoa học và công nghệ; n) Các khoản chi có liên quan khác. 2. Chi đầu tư phát triển KH&CN (mã 0700), bao gồm: a) Xây dựng mới, nâng cấp, tăng cường năng lực nghiên cứu của các tổ chức khoa học và công nghệ bao gồm: Phòng thí nghiệm,

	xưởng thực nghiệm, trạm thực nghiệm; trung tâm phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn và đánh giá sự phù hợp; các cơ sở thiết kế, chế tạo, thử nghiệm chuyên dụng; các cơ sở ứng dụng và chuyển giao công nghệ, tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng; tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ; b) Xây dựng khu nghiên cứu và phát triển cho các khu công nghệ cao; c) Xây dựng hạ tầng thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia và thông kê về khoa học và công nghệ; d) Các hoạt động đầu tư khác phục vụ phát triển khoa học và công nghệ. (Theo quy định tại Nghị định 95/2014/NĐ-CP).
Cách tính trong PII	$\text{Giá trị chỉ số 2.2 (\%)} = \frac{cdtkh_i + ctxkh_i}{GRDP_i} \times 100$ Trong đó: $cdtkh_i$ là tổng chi đầu tư phát triển khoa học và công nghệ từ ngân sách địa phương i $ctxkh_i$ là tổng chi thường xuyên cho khoa học và công nghệ từ ngân sách địa phương i $GRDP_i$ là GRDP của địa phương i
Năm dữ liệu	Số liệu đề nghị phê duyệt quyết toán do UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh)
Nguồn dữ liệu	Báo cáo Quyết toán chi ngân sách địa phương, chi ngân sách cấp tỉnh và chi ngân sách huyện theo cơ cấu chi năm 2023 của UBND tỉnh/thành phố trình HĐND phê duyệt (Biểu số 64/CK-NSNN ban hành theo Thông tư 343/2016/TT-BTC: - Cột Quyết toán (4=5+6) - Mục A. Chi cân đối NSDP, Điểm I. Chi đầu tư phát triển; Dòng - Chi khoa học và công nghệ - Điểm II. Chi thường xuyên, Dòng 2. Chi khoa học và công nghệ - Mục Tổng chi NSDP (dòng đầu tiên).
Tài liệu minh chứng	Bản sao Báo cáo Quyết toán chi ngân sách địa phương, chi ngân sách cấp tỉnh và chi ngân sách huyện theo cơ cấu chi năm 2023 của UBND tỉnh trình HĐND phê duyệt.

2.3. Chi nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ/GRDP (%)

Giải thích	Về nguồn cấp kinh phí, bao gồm các khoản chi từ ngân sách nhà nước, từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước, từ nguồn nước ngoài. Về loại chi, gồm chi đầu tư phát triển, chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN, chi cho hoạt động của cơ quan và chi khác.
Cách tính	52 chỉ số thành phần trong PII được chuẩn hóa về một thang đo chung trong khoảng [0, 100], với ngầm định rằng địa phương có điểm số càng cao thì kết quả của họ càng tốt. Phương pháp được sử dụng để chuẩn hóa là phương pháp min – max, trong đó các “min” và “max” tương ứng với các giá trị nhỏ nhất và lớn nhất đối với các chỉ số thuận và ngược lại với các chỉ số nghịch. Công thức dưới đây mô tả phương pháp min – max: Chỉ số thuận: Điểm số chuẩn hóa của địa phương

	$i = \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \min}{\max - \min} * 100$ Chỉ số nghịch đảo (trong PII 2024 có 1 chỉ số nghịch đảo là chỉ số 4.1.2. Tài chính vi mô/GRDP): Điểm số chuẩn hóa của địa phương $i = 100 - \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \min}{\max - \min} * 100$
<i>Nguồn dữ liệu</i>	Cục Thông tin KH&CN Quốc gia và Địa phương cung cấp.

2.4. Số tổ chức KH&CN/10,000 dân

<i>Ý nghĩa</i>	Phản ánh tiềm lực KH&CN của địa phương trong thực hiện các hoạt động nghiên cứu và phát triển phục vụ sản xuất – kinh doanh.
<i>Giải thích</i>	Tổ chức khoa học và công nghệ là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật để thực hiện nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ hoặc cung cấp dịch vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (Khoản 15, Điều 3 Luật KH,CN&ĐMST). Hình thức của tổ chức KH&CN (Luật KH,CN&ĐMST): a) Tổ chức nghiên cứu khoa học, tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tổ chức dưới hình thức viện hàn lâm, viện, trung tâm và hình thức khác do Chính phủ quy định; b) Cơ sở giáo dục đại học được thành lập theo quy định của pháp luật về giáo dục đại học; bệnh viện được thành lập theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; c) Tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ được tổ chức dưới hình thức trung tâm, văn phòng và hình thức khác do Chính phủ quy định.
<i>Cách tính</i>	$\text{Chỉ số 2.4 (tổ chức)} = \frac{tckhcn_i}{Tds_i} \times 10000$ Trong đó: $tckhcn_i$ là số tổ chức KH&CN của địa phương i. Tds_i là tổng dân số của địa phương i
<i>Nguồn dữ liệu</i>	Sở KH&CN: cung cấp dữ liệu các Tổ chức KH&CN do Sở KH&CN cấp GCN. Văn phòng đăng ký hoạt động KH&CN (Bộ KH&CN): cung cấp dữ liệu các Tổ chức KH&CN do Bộ KH&CN cấp GCN. Lưu ý: Chỉ tính các tổ chức KH&CN hiện còn đang hoạt động.

3. Cơ sở hạ tầng cho hoạt động S.T.I.D

3.1. Hạ tầng số

Phương pháp và trình tự đánh giá

- Tự đánh giá của bộ, tỉnh

+ Với các chỉ số thành phần do bộ, tỉnh cung cấp số liệu, bộ, tỉnh sẽ đồng thời tự theo dõi, đánh giá và cho điểm kết quả thực hiện chuyển đổi số của bộ, tỉnh theo các trụ cột, chỉ số chính, chỉ số thành phần trong DTI cấp bộ, cấp tỉnh và hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ. Điểm bộ, tỉnh tự đánh giá được thể hiện tại mục “Điểm tự đánh giá” trên Phần mềm.

+ Số liệu báo cáo, đánh giá của bộ, tỉnh theo từng chỉ số thành phần sẽ do bộ, tỉnh nhập vào Phần mềm và được tự động tính toán điểm số. Điểm số này được tự động thay đổi liên tục theo kỳ cập nhật số liệu. Bộ, tỉnh có thể theo dõi được thay đổi điểm số của mình mỗi khi có số liệu mới của các chỉ số thành phần đánh giá được cập nhật vào Phần mềm.

- Đánh giá của Bộ khoa học và Công nghệ

+ Bộ Khoa học và Công nghệ sẽ thực hiện đánh giá độc lập các chỉ số thành phần có số liệu do Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc bộ, ngành khác theo dõi, giám sát qua các hệ thống thông tin.

+ Điểm tự đánh giá của bộ, tỉnh được Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định để xem xét, công nhận hoặc điều chỉnh nếu cần thiết.

+ Kết quả điểm do Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định được thể hiện tại mục “Bộ KH&CN đánh giá” trên Phần mềm.

Tính toán, xác định điểm đánh giá

- Điểm đánh giá DTI cấp tỉnh

+ Điểm đánh giá của DTI cấp tỉnh và điểm đánh giá từng trụ cột chính quyền số, kinh tế số, xã hội số được tổng hợp từ điểm tự đánh giá của tỉnh, điểm đánh giá của Bộ Khoa học và Công nghệ và được thể hiện tại mục “Điểm đạt được” trên Phần mềm.

+ Điểm DTI cấp tỉnh là điểm tổng của nhóm chỉ số nền tảng chung và nhóm chỉ số về hoạt động.

+ Điểm trụ cột chính quyền số là điểm tổng của nhóm chỉ số nền tảng chung và chỉ số Hoạt động chính quyền số.

+ Điểm trụ cột kinh tế số là điểm tổng của nhóm chỉ số nền tảng chung và chỉ số Hoạt động kinh tế số.

+ Điểm trụ cột xã hội số là điểm tổng của nhóm chỉ số nền tảng chung và chỉ số Hoạt động xã hội số

3.1	Hạ tầng số	200
3.1.1	Tỷ lệ thôn, bản được phủ sóng di động băng rộng	30
3.1.2	Tỷ lệ thôn, bản được phủ băng rộng cố định	30
3.1.3	Tỷ lệ thuê bao băng rộng di động/100 dân	30
3.1.4	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cáp quang	30
3.1.5	Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ Chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây	30
3.1.6	Mức độ triển khai các nền tảng số dùng chung	30
3.1.7	Mức độ ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI)	20

B - NHÓM TIÊU CHÍ ĐẦU RA							
I.	Nhóm tiêu chí đánh giá hiệu quả về kinh tế (23 chỉ tiêu)						
4.	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong tổng sản phẩm địa phương	%	$\frac{\text{Giá trị tăng thêm của kinh tế số trong kỳ báo cáo}}{\text{Tổng sản phẩm địa phương trong kỳ báo cáo}} \times 100$	Sở Tài chính			- S.T.I.D - Chỉ tiêu thống kê quốc gia
5.	Giá trị gia tăng của sản phẩm các ngành kinh tế đóng góp vào GRDP	%	$\frac{\text{Giá trị gia tăng của sản phẩm các ngành kinh tế trong kỳ báo cáo}}{\text{Tổng giá trị GRDP trong kỳ báo cáo}} \times 100$	Sở Tài chính	- Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản; - Khu vực công nghiệp và xây dựng; - Khu vực dịch vụ.		- S.T.I.D - Chỉ tiêu thống kê quốc gia
6.	Tỷ trọng đóng góp của các khu công nghệ cao (CNC) vào GRDP	%	$\frac{\text{Tổng doanh thu của các khu CNC trong kỳ báo cáo}}{\text{Tổng giá trị GRDP trong kỳ báo cáo}} \times 100$	Sở KH&CN			- S.T.I.D - Chỉ tiêu mới
7.	Tốc độ tăng năng suất lao động (NSLĐ) bình quân	%	$\left(\frac{\text{NSLĐ trong kỳ báo cáo}}{\text{NSLĐ cùng kỳ năm trước}} - 1 \right) \times 100$	Sở Tài chính			- S.T.I.D - Chỉ tiêu thống kê quốc gia
8.	Tỷ trọng đóng góp của TFP vào tăng trưởng kinh tế	%	$\frac{\text{Mức tăng GRDP so với năm trước do TFP đóng góp}}{\text{Tổng mức tăng GRDP so với năm trước}} \times 100$	Sở Tài chính			- S.T.I.D - Chỉ tiêu thống kê quốc gia
9.	Tỷ trọng giá trị xuất khẩu sản phẩm CNC trong tổng giá trị xuất khẩu hàng hóa	%	$\frac{\text{Tổng giá trị xuất khẩu sản phẩm CNC}}{\text{Tổng giá trị xuất khẩu hàng hóa}} \times 100$	Sở Tài chính			- S.T - Chỉ tiêu mới

10.	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo (ĐMST)	%	$\frac{\text{Số doanh nghiệp có hoạt động ĐMST}}{\text{Tổng số doanh nghiệp}} \times 100$	Sở KH&CN	(2 chỉ số) - Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động ĐMST - Tỷ lệ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo/tổng số DN mới thành lập [Nguồn: Địa phương cung cấp]	- S.T.I - Theo phương pháp luận của OECD
11.	Số lượng doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực S.T.I.D	Doanh nghiệp	Tổng số doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực S.T.I.D trong kỳ báo cáo	Sở KH&CN, Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Doanh nghiệp KH&CN; - Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; - DN hoạt động CNC; - DN công nghệ số; - DN nông nghiệp số.	- S.T.I.D - Chỉ tiêu mới

12. Trình độ phát triển của doanh nghiệp

12.1. Lao động có kiến thức

12.1.1. Tỷ lệ chi đào tạo lao động/tổng chi của doanh nghiệp

<i>Giải thích</i>	Đây là chỉ số thành phần thuộc Chỉ số PCI do VCCI xây dựng và công bố hàng năm. Dữ liệu của chỉ tiêu Chi phí đào tạo lao động được thu thập từ khảo sát doanh nghiệp, được tính theo tỉ lệ phần trăm tổng chi phí kinh doanh dành cho đào tạo lao động
<i>Cách tính</i>	52 chỉ số thành phần trong PII 2024 được chuẩn hóa về một thang đo chung trong khoảng [0, 100], với ngầm định rằng địa phương có điểm số càng cao thì kết quả của họ càng tốt. Phương pháp được sử dụng để chuẩn hóa là phương pháp min – max, trong đó các “min” và “max” tương ứng với các giá trị nhỏ nhất và lớn nhất đối với các chỉ số thuận và ngược lại với các chỉ số nghịch. Công thức dưới đây mô tả phương pháp min – max: Chỉ số thuận: Điểm số chuẩn hóa của địa phương $i = \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \text{min}}{\text{max} - \text{min}} * 100$ Chỉ số nghịch đảo (trong PII 2024 có 1 chỉ số nghịch đảo là chỉ số 4.1.2. Tài chính vi mô/GRDP): Điểm số chuẩn hóa của địa phương $i = 100 - \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \text{min}}{\text{max} - \text{min}} * 100$

<i>Nguồn dữ liệu</i>	VCCI, Báo cáo năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI

12.1.2. Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động NC&PT

<i>Giải thích</i>	Tổng điều tra kinh tế năm 2021 do Cục Thống kê thực hiện, trong đó có điều tra hoạt động R&D tại các doanh nghiệp. Câu hỏi điều tra như sau: “Trong năm 2020, Doanh nghiệp có hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) không? Nếu có, hình thức thực hiện là gì: 1. Doanh nghiệp tự thực hiện; 2. Doanh nghiệp thuê ngoài” (Câu A5.3).
<i>Cách tính</i>	52 chỉ số thành phần trong PII 2024 được chuẩn hóa về một thang đo chung trong khoảng [0, 100], với ngầm định rằng địa phương có điểm số càng cao thì kết quả của họ càng tốt. Phương pháp được sử dụng để chuẩn hóa là phương pháp min – max, trong đó các “min” và “max” tương ứng với các giá trị nhỏ nhất và lớn nhất đối với các chỉ số thuận và ngược lại với các chỉ số nghịch. Công thức dưới đây mô tả phương pháp min – max: Chỉ số thuận: Điểm số chuẩn hóa của địa phương $i = \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \text{min}}{\text{max} - \text{min}} * 100$ Chỉ số nghịch đảo (trong PII 2024 có 1 chỉ số nghịch đảo là chỉ số 4.1.2. Tài chính vi mô/GRDP): Điểm số chuẩn hóa của địa phương $i = 100 - \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \text{min}}{\text{max} - \text{min}} * 100$
<i>Nguồn dữ liệu</i>	Cục Thống kê

12.2. Liên kết sáng tạo

12.2.1. Hợp tác nghiên cứu giữa tổ chức KH&CN và doanh nghiệp

<i>Giải thích</i>	Tổng kinh phí từ NSĐP đã chi trong năm 2023 của nhiệm vụ KH&CN có hợp tác giữa tổ chức KH&CN và doanh nghiệp trong tổng chi từ NSĐP trong năm 2023 của tất cả các nhiệm vụ KH&CN.
<i>Cách tính</i>	52 chỉ số thành phần trong PII được chuẩn hóa về một thang đo chung trong khoảng [0, 100], với ngầm định rằng địa phương có điểm số càng cao thì kết quả của họ càng tốt. Phương pháp được sử dụng để chuẩn hóa là phương pháp min – max, trong đó các “min” và “max” tương ứng với các giá trị nhỏ nhất và lớn nhất đối với các chỉ số thuận và ngược lại với các chỉ số nghịch. Công

	thức dưới đây mô tả phương pháp min – max: Chỉ số thuận: Điểm số chuẩn hóa của địa phương $i = \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \text{min}}{\text{max} - \text{min}} * 100$ Chỉ số nghịch đảo (trong PII 2024 có 1 chỉ số nghịch đảo là chỉ số 4.1.2. Tài chính vi mô/GRDP): Điểm số chuẩn hóa của địa phương $i = 100 - \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \text{min}}{\text{max} - \text{min}} * 100$
<i>Nguồn dữ liệu</i>	Địa phương cung cấp

12.2.2. Số dự án đầu tư trong các KCN/1,000 DN chế biến chế tạo

<i>Giải thích</i>	Các dự án đầu tư đang hoạt động sản xuất kinh doanh trong các khu công nghiệp bao gồm (i) doanh nghiệp đã đăng kí thành lập mới và đang hoạt động trong các KCN ở địa phương; (ii) cơ sở/nhà máy sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp có trụ sở ở ngoài KCN của địa phương đang hoạt động trong các KCN của địa phương. Các KCN ở địa phương được tính trong chỉ số này bao gồm: (i) khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghiệp hỗ trợ, khu công nghiệp chuyên ngành, khu công nghiệp sinh thái, khu công nghiệp công nghệ cao, khu công nghiệp mở rộng (theo Nghị định 35/2022/NĐ-CP); (ii) khu kinh tế, khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu kinh tế chuyên biệt (theo Nghị định 35/2022/NĐ-CP); (iii) khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (theo Luật Công nghệ cao); (iv) khu CNTT tập trung (theo Nghị định 154/2013/NĐ-CP); (v) vùng Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (theo Quyết định 66/2015/QĐ-TTg).
<i>Cách tính</i>	52 chỉ số thành phần trong PII 2024 được chuẩn hóa về một thang đo chung trong khoảng [0, 100], với ngầm định rằng địa phương có điểm số càng cao thì kết quả của họ càng tốt. Phương pháp được sử dụng để chuẩn hóa là phương pháp min – max, trong đó các “min” và “max” tương ứng với các giá trị nhỏ nhất và lớn nhất đối với các chỉ số thuận và ngược lại với các chỉ số nghịch. Công thức dưới đây mô tả phương pháp min – max: Chỉ số thuận: Điểm số chuẩn hóa của địa phương $i = \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \text{min}}{\text{max} - \text{min}} * 100$ Chỉ số nghịch đảo (trong PII 2024 có 1 chỉ số nghịch đảo là chỉ số 4.1.2. Tài chính vi mô/GRDP): Điểm số chuẩn hóa của địa phương $i = 100 - \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \text{min}}{\text{max} - \text{min}} * 100$

<i>Nguồn dữ liệu</i>	Địa phương cung cấp
----------------------	---------------------

12.2.3. Số dự án đầu tư trong các cụm CN/1,000 DN chế biến chế tạo

<i>Giải thích</i>	Các dự án đầu tư đang hoạt động sản xuất kinh doanh trong các cụm công nghiệp có thể thành lập doanh nghiệp mới hoặc là một dự án của doanh nghiệp đang hoạt động ở ngoài cụm hoặc trong cụm (một doanh nghiệp có thể có nhiều dự án đầu tư trong cụm công nghiệp). Các cụm công nghiệp ở địa phương bao gồm: cụm công nghiệp, cụm công nghiệp làng nghề (theo Nghị định 68/2017/NĐ-CP).
<i>Cách tính</i>	52 chỉ số thành phần trong PII 2024 được chuẩn hóa về một thang đo chung trong khoảng [0, 100], với ngầm định rằng địa phương có điểm số càng cao thì kết quả của họ càng tốt. Phương pháp được sử dụng để chuẩn hóa là phương pháp min – max, trong đó các “min” và “max” tương ứng với các giá trị nhỏ nhất và lớn nhất đối với các chỉ số thuận và ngược lại với các chỉ số nghịch. Công thức dưới đây mô tả phương pháp min – max: Chỉ số thuận: Điểm số chuẩn hóa của địa phương $i = \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \text{min}}{\text{max} - \text{min}} * 100$ Chỉ số nghịch đảo (trong PII 2024 có 1 chỉ số nghịch đảo là chỉ số 4.1.2. Tài chính vi mô/GRDP): Điểm số chuẩn hóa của địa phương $i = 100 - \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \text{min}}{\text{max} - \text{min}} * 100$
<i>Nguồn dữ liệu</i>	Địa phương cung cấp

12.3. Hấp thu tri thức

12.3.1. Đầu tư trực tiếp của nước ngoài/GRDP

<i>Giải thích</i>	Vốn Đầu tư trực tiếp của nước ngoài được cấp giấy phép trung bình ba năm 2021-2023, bao gồm vốn cấp mới và vốn tăng thêm của các dự án đã được cấp giấy phép từ các năm trước.
<i>Cách tính</i>	52 chỉ số thành phần trong PII 2024 được chuẩn hóa về một thang đo chung trong khoảng [0, 100], với ngầm định rằng địa phương có điểm số càng cao thì kết quả của họ càng tốt. Phương pháp được sử dụng để chuẩn hóa là phương pháp min – max, trong đó các “min” và “max” tương ứng với các giá trị nhỏ nhất và lớn nhất đối với các chỉ số thuận và ngược lại với các chỉ số nghịch. Công thức dưới đây mô tả phương pháp min – max: Chỉ số thuận: Điểm số chuẩn hóa của địa phương

	$i = \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \min}{\max - \min} * 100$ Chỉ số nghịch đảo (trong PII 2024 có 1 chỉ số nghịch đảo là chỉ số 4.1.2. Tài chính vi mô/GRDP): Điểm số chuẩn hóa của địa phương $i = 100 - \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \min}{\max - \min} * 100$
<i>Nguồn dữ liệu</i>	Cục Đầu tư nước ngoài, Địa phương cung cấp

12.3.2. Số DN có chứng chỉ ISO/1,000 doanh nghiệp

<i>Giải thích</i>	Các tiêu chuẩn được tính đến trong chỉ số này như Tiêu chuẩn ISO 9001:2015, Tiêu chuẩn ISO 14001:2015, Tiêu chuẩn ISO 56000, Tiêu chuẩn ISO 45001, Tiêu chuẩn ISO khác. Doanh nghiệp đạt bất kì chứng nhận ISO nào đều được tính là có chứng nhận ISO
<i>Cách tính</i>	52 chỉ số thành phần trong PII 2024 được chuẩn hóa về một thang đo chung trong khoảng [0, 100], với ngầm định rằng địa phương có điểm số càng cao thì kết quả của họ càng tốt. Phương pháp được sử dụng để chuẩn hóa là phương pháp min – max, trong đó các “min” và “max” tương ứng với các giá trị nhỏ nhất và lớn nhất đối với các chỉ số thuận và ngược lại với các chỉ số nghịch. Công thức dưới đây mô tả phương pháp min – max: Chỉ số thuận: Điểm số chuẩn hóa của địa phương $i = \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \min}{\max - \min} * 100$ Chỉ số nghịch đảo (trong PII 2024 có 1 chỉ số nghịch đảo là chỉ số 4.1.2. Tài chính vi mô/GRDP): Điểm số chuẩn hóa của địa phương $i = 100 - \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \min}{\max - \min} * 100$
<i>Nguồn dữ liệu</i>	Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Cục Thống kê

13.	Tăng trưởng doanh thu của	%	$\left(\frac{\text{Tổng doanh thu năm báo cáo}}{\text{Tổng doanh thu năm trước báo cáo}} - 1 \right) \times$	Sở KH&CN	- Doanh nghiệp KH&CN; - Doanh nghiệp khởi nghiệp	- Năm - 15/4	- S.T.I.D - Chi
-----	---------------------------	---	---	----------	---	-----------------	--------------------

	các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực S.T.I.D				sáng tạo; - DN hoạt động CNC; - DN công nghệ số; - DN nông nghiệp số.		tiêu mới
14.	Số lượng hợp đồng chuyển giao công nghệ (CGCN)	Hợp đồng	Tổng số hợp đồng CGCN trong kỳ báo cáo	Sở KH&CN	- Được đăng ký và cấp phép - Trong toàn bộ nền kinh tế	- Năm - 28/02	- S.T.I - Chỉ số mới
15.	Tỷ trọng giá trị hợp đồng CGCN trong GRDP	%	$\frac{\text{Tổng giá trị của các hợp đồng CGCN trong kỳ báo cáo}}{\text{Tổng giá trị GRDP trong kỳ báo cáo}} \times 100$	Sở KH&CN	- Được đăng ký và cấp phép - Trong toàn bộ nền kinh tế	- Năm - 15/3	- S.T.I - Chỉ số mới

16. Sản phẩm tri thức, sáng tạo và công nghệ

16.1. Sáng tạo tri thức

16.1.1. Đơn đăng ký sáng chế, GPHI/10,000 dân

<i>Giải thích</i>	Sáng chế là giải pháp kỹ thuật dưới dạng sản phẩm hoặc quy trình nhằm giải quyết một vấn đề xác định bằng việc ứng dụng các quy luật tự nhiên. Sáng chế được bảo hộ độc quyền dưới hình thức cấp Bằng độc quyền sáng chế hoặc Bằng độc quyền giải pháp hữu ích. Giải pháp kỹ thuật – đối tượng được bảo hộ dưới danh nghĩa là sáng chế là tập hợp cần và đủ các thông tin về cách thức kỹ thuật và/hoặc phương tiện kỹ thuật (ứng dụng các quy luật tự nhiên) nhằm giải quyết một nhiệm vụ (một vấn đề) xác định. Giải pháp kỹ thuật có thể thuộc một trong các dạng: (i) Sản phẩm; (ii) Quy trình hay phương pháp
<i>Cách tính</i>	52 chỉ số thành phần trong PII 2024 được chuẩn hóa về một thang đo chung trong khoảng [0, 100], với ngầm định rằng địa phương có điểm số càng cao thì kết quả của họ càng tốt. Phương pháp được sử dụng để chuẩn hóa là phương pháp min – max, trong đó các “min” và “max” tương ứng với các giá trị nhỏ nhất và lớn nhất đối với các chỉ số thuận và ngược lại với các chỉ số nghịch. Công thức dưới đây mô tả phương pháp min – max: Chỉ số thuận: Điểm số chuẩn hóa của địa phương $i = \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \text{min}}{\text{max} - \text{min}} * 100$ Chỉ số nghịch đảo (trong PII 2024 có 1 chỉ số nghịch đảo là chỉ số 4.1.2. Tài chính vi mô/GRDP): Điểm số chuẩn hóa của địa phương $i = 100 - \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \text{min}}{\text{max} - \text{min}} * 100$

<i>Nguồn dữ liệu</i>	Cục Sở hữu trí tuệ, Cục Thống kê
----------------------	----------------------------------

16.1.2. Đơn đăng kí giống cây trồng/10,000 dân

<i>Giải thích</i>	Giống cây trồng được bảo hộ là giống cây trồng được chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển, thuộc Danh mục loài cây trồng được Nhà nước bảo hộ do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành, có tính mới, tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định và có tên phù hợp.
<i>Cách tính</i>	52 chỉ số thành phần trong PII 2024 được chuẩn hóa về một thang đo chung trong khoảng [0, 100], với ngầm định rằng địa phương có điểm số càng cao thì kết quả của họ càng tốt. Phương pháp được sử dụng để chuẩn hóa là phương pháp min – max, trong đó các “min” và “max” tương ứng với các giá trị nhỏ nhất và lớn nhất đối với các chỉ số thuận và ngược lại với các chỉ số nghịch. Công thức dưới đây mô tả phương pháp min – max: Chỉ số thuận: Điểm số chuẩn hóa của địa phương $i = \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \min}{\max - \min} * 100$ Chỉ số nghịch đảo (trong PII 2024 có 1 chỉ số nghịch đảo là chỉ số 4.1.2. Tài chính vi mô/GRDP): Điểm số chuẩn hóa của địa phương $i = 100 - \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \min}{\max - \min} * 100$
<i>Nguồn dữ liệu</i>	Cục Trồng trọt, Cục Thống kê

16.2. Tài sản vô hình

16.2.1. Đơn đăng kí nhãn hiệu/1,000 DN

<i>Giải thích</i>	Nhãn hiệu là những dấu hiệu dùng để phân biệt hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân khác nhau. Dấu hiệu dùng làm nhãn hiệu phải là những dấu hiệu nhìn thấy được dưới dạng chữ cái, từ ngữ, hình ảnh, hình vẽ hoặc sự kết hợp của các yếu tố đó được thể hiện bằng một hoặc nhiều màu sắc.
<i>Cách tính</i>	52 chỉ số thành phần trong PII 2024 được chuẩn hóa về một thang đo chung trong khoảng [0, 100], với ngầm định rằng địa phương có điểm số càng cao thì kết quả của họ càng tốt. Phương pháp được sử dụng để chuẩn hóa là phương pháp min – max, trong đó các “min” và “max” tương ứng với các giá trị nhỏ nhất và lớn nhất đối với các chỉ số thuận và ngược lại với các chỉ số nghịch. Công thức dưới đây mô tả phương pháp min – max: Chỉ số thuận: Điểm số chuẩn hóa của địa phương

	$i = \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \text{min}}{\text{max} - \text{min}} * 100$ Chỉ số nghịch đảo (trong PII 2024 có 1 chỉ số nghịch đảo là chỉ số 4.1.2. Tài chính vi mô/GRDP): Điểm số chuẩn hóa của địa phương $i = 100 - \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \text{min}}{\text{max} - \text{min}} * 100$
<i>Nguồn dữ liệu</i>	Cục Sở hữu trí tuệ, Cục Thống kê

16.2.3. Đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp/10,000 dân

<i>Giải thích</i>	Kiểu dáng công nghiệp là hình dáng bên ngoài của sản phẩm được thể hiện bằng hình khối, đường nét, màu sắc hoặc sự kết hợp những yếu tố này.						
<i>Cách tính</i>	52 chỉ số thành phần trong PII 2024 được chuẩn hóa về một thang đo chung trong khoảng [0, 100], với ngầm định rằng địa phương có điểm số càng cao thì kết quả của họ càng tốt. Phương pháp được sử dụng để chuẩn hóa là phương pháp min – max, trong đó các “min” và “max” tương ứng với các giá trị nhỏ nhất và lớn nhất đối với các chỉ số thuận và ngược lại với các chỉ số nghịch. Công thức dưới đây mô tả phương pháp min – max: Chỉ số thuận: Điểm số chuẩn hóa của địa phương $i = \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \text{min}}{\text{max} - \text{min}} * 100$ Chỉ số nghịch đảo (trong PII 2024 có 1 chỉ số nghịch đảo là chỉ số 4.1.2. Tài chính vi mô/GRDP): Điểm số chuẩn hóa của địa phương $i = 100 - \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \text{min}}{\text{max} - \text{min}} * 100$						
<i>Nguồn dữ liệu</i>	Cục Sở hữu trí tuệ, Cục Thống kê						
17.	Tỷ lệ giống cây trồng, chăn nuôi, thủy sản có văn bằng bảo hộ được ứng dụng vào sản xuất	%	$\frac{\text{Tổng số giống cây trồng, chăn nuôi, thủy sản được ứng dụng vào sản xuất trong kỳ báo cáo}}{\text{Tổng số văn bằng bảo hộ giống cây trồng, chăn nuôi, thủy sản đã cấp trong kỳ báo cáo}} \times 100$	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Giống cây trồng - Chăn nuôi - Thủy sản	- Năm - 15/3	- S.T - Chỉ số mới

18	Số lượng hợp đồng chuyển giao công nghệ (CGCN)	Là chỉ tiêu phản ánh quy mô hoạt động CGCN trong nền kinh tế, thông qua số lượng hợp đồng CGCN đã được thực hiện trong kỳ báo cáo, bao gồm: - Số lượng hợp đồng CGCN được đăng ký và cấp phép; - Số lượng hợp đồng CGCN trong nước; - Số lượng hợp đồng CGCN từ nước ngoài vào Việt Nam. Đăng ký CGCN là việc đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN đối với Hợp đồng CGCN độc lập hoặc phân chuyển giao công nghệ của dự án đầu tư, góp vốn bằng công nghệ, nhượng quyền thương mại, chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ, mua, bán máy móc, thiết bị kèm với đối tượng công nghệ chuyển giao hoặc CGCN bằng hình thức khác theo quy định của pháp luật.	Thuộc diễn giải nội dung các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đối với phát triển kinh tế - xã hội Nguồn Cục Thông tin Thống kê
19.	Giá trị các hợp đồng CGCN	Là chỉ tiêu phản ánh hiệu quả kinh tế của hoạt động CGCN của các hợp đồng CGCN được ký kết và thực hiện trong kỳ báo cáo thông qua số tiền được ghi trong các hợp đồng CGCN.	Thuộc diễn giải nội dung các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đối với phát triển kinh tế - xã hội Nguồn Cục Thông tin Thống kê
20.	Tỷ lệ sáng chế, GPHI, giống cây trồng, chăn nuôi, thủy sản được ứng dụng, chuyển giao	Là chỉ tiêu phản ánh tỷ lệ tổng số văn bằng sáng chế, GPHI, giống cây trồng, chăn nuôi, thủy sản do người Việt Nam sở hữu đã được chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ trên tổng số văn bằng bảo hộ đã cấp trong kỳ báo cáo. Chỉ số này thể hiện mức độ thương mại hóa và khai thác giá trị tài sản trí tuệ của người Việt Nam trong thực tế.	Thuộc diễn giải nội dung các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đối với phát triển kinh tế - xã hội Nguồn Cục Thông tin Thống kê
21.	Giá trị xuất khẩu sản phẩm công nghiệp công nghệ thông tin	Là chỉ tiêu đo lường tổng giá trị xuất khẩu của các sản phẩm thuộc lĩnh vực công nghiệp công nghệ thông tin. Công nghiệp công nghệ thông tin là ngành kinh tế - kỹ thuật công nghệ cao sản xuất và cung cấp sản phẩm công nghệ thông tin, bao gồm sản phẩm phần cứng, phần mềm và nội dung thông tin số.	Thuộc diễn giải nội dung các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đối với phát triển kinh tế - xã hội

			Nguồn Cục Thông tin Thống kê
23	Doanh thu từ dịch vụ khoa học và công nghệ	Là chỉ tiêu phản ánh tổng số giá trị doanh thu từ các hoạt động dịch vụ liên quan đến S.T.I.D trong kỳ báo cáo, bao gồm doanh thu từ dịch vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và doanh thu từ dịch vụ công nghệ số.	Thuộc diễn giải nội dung các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đối với phát triển kinh tế - xã hội Nguồn Cục Thông tin Thống kê

24. Trình độ phát triển của thị trường

24.1. Tài chính và đầu tư

24.1.1. Tín dụng cho khu vực tư nhân/1,000 lao động (tỷ đồng)

<i>Giải thích</i>	Phản ánh sự sẵn có và mức tín dụng tiếp cận được ở địa phương nhằm phục vụ sản xuất - kinh doanh, bao gồm thực hiện hoạt động ĐMST ở địa phương. Dư nợ tín dụng của các Tổ chức tín dụng, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài có trụ sở/chi nhánh ở địa phương: là toàn bộ số dư bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ tại một thời điểm cụ thể của các tổ chức Tín dụng, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với các pháp nhân, cá nhân là người cư trú của Việt Nam thuộc khu vực vực tư nhân và là khu vực thể chế phi tài chính, khu vực thể chế hộ gia đình, khu vực thể chế không vì lợi nhuận phục vụ hộ gia đình.
<i>Cách tính</i>	52 chỉ số thành phần trong PII 2024 được chuẩn hóa về một thang đo chung trong khoảng [0, 100], với ngầm định rằng địa phương có điểm số càng cao thì kết quả của họ càng tốt. Phương pháp được sử dụng để chuẩn hóa là phương pháp min – max, trong đó các “min” và “max” tương ứng với các giá trị nhỏ nhất và lớn nhất đối với các chỉ số thuận và ngược lại với các chỉ số nghịch. Công thức dưới đây mô tả phương pháp min – max: Chỉ số thuận: Điểm số chuẩn hóa của địa phương $i = \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \text{min}}{\text{max} - \text{min}} * 100$ Chỉ số nghịch đảo (trong PII 2024 có 1 chỉ số nghịch đảo là chỉ số 4.1.2. Tài chính vi mô/GRDP): Điểm số chuẩn hóa của địa phương $i = 100 - \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \text{min}}{\text{max} - \text{min}} * 100$
<i>Nguồn dữ liệu</i>	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Cục Thống kê, Bộ Tài chính

24.1.2. Tài chính vi mô/GRDP

<i>Giải thích</i>	Tài chính vi mô là việc cấp cho các hộ gia đình có thu nhập thấp, doanh nghiệp nhỏ/siêu nhỏ các khoản vay nhỏ (gọi là tín dụng vi mô), nhằm mục đích giúp họ tham gia vào các hoạt động sản xuất hoặc khởi tạo các hoạt động kinh doanh nhỏ. Các địa phương có tỉ lệ hộ nghèo cao cung cấp nhiều tài chính vi mô hơn các địa phương có tỉ lệ hộ nghèo thấp, do vậy, chỉ số này là chỉ số nghịch đảo.
<i>Cách tính</i>	52 chỉ số thành phần trong PII 2024 được chuẩn hóa về một thang đo chung trong khoảng [0, 100], với ngầm định rằng địa phương có điểm số càng cao thì kết quả của họ càng tốt. Phương pháp được sử dụng để chuẩn hóa là phương pháp min – max, trong đó các “min” và “max” tương ứng với các giá trị nhỏ nhất và lớn nhất đối với các chỉ số thuận và ngược lại với các chỉ số nghịch. Công thức dưới đây mô tả phương pháp min – max: Chỉ số thuận: Điểm số chuẩn hóa của địa phương $i = \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \text{min}}{\text{max} - \text{min}} * 100$ Chỉ số nghịch đảo (trong PII 2024 có 1 chỉ số nghịch đảo là chỉ số 4.1.2. Tài chính vi mô/GRDP): Điểm số chuẩn hóa của địa phương $i = 100 - \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \text{min}}{\text{max} - \text{min}} * 100$
<i>Nguồn dữ liệu</i>	Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, Địa phương cung cấp.

24.1.3. Vốn SXKD bình quân hàng năm của các DN đang hoạt động (tỷ đồng)

<i>Giải thích</i>	Phản ánh mức đầu tư phục cho sản xuất kinh doanh hàng năm, trong đó có các hoạt động ĐMST của doanh nghiệp ở địa phương. Vốn sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là số tiền ứng trước cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: tổng số vốn tự có (nguồn vốn chủ sở hữu) của doanh nghiệp và các khoản nợ phải trả (các khoản nợ vay và nợ phải trả khác). Vốn sản xuất kinh doanh bình quân hàng năm của doanh nghiệp được tính bằng bình quân vốn kinh doanh của thời điểm đầu năm và cuối năm.
<i>Cách tính</i>	52 chỉ số thành phần trong PII 2024 được chuẩn hóa về một thang đo chung trong khoảng [0, 100], với ngầm định rằng địa phương có điểm số càng cao thì kết quả của họ càng tốt. Phương pháp được sử dụng để chuẩn hóa là phương pháp min – max, trong đó các “min” và “max” tương ứng với các giá trị nhỏ nhất và lớn nhất đối với các chỉ số thuận và ngược lại với các chỉ số nghịch. Công thức dưới đây mô tả phương pháp min – max: Chỉ số thuận: Điểm số chuẩn hóa của địa phương $i = \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \text{min}}{\text{max} - \text{min}} * 100$

	Chỉ số nghịch đảo (trong PII 2024 có 1 chỉ số nghịch đảo là chỉ số 4.1.2. Tài chính vi mô/GRDP): Điểm số chuẩn hóa của địa phương $i = 100 - \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \text{min}}{\text{max} - \text{min}} * 100$
<i>Nguồn dữ liệu</i>	Cục Thống kê, Bộ Tài chính

24.1.4. Giá trị tài sản cố định và đầu tư tài chính dài hạn của các DN đang hoạt động (tỷ đồng)

<i>Giải thích</i>	Tài sản cố định và đầu tư dài hạn của doanh nghiệp là toàn bộ giá trị còn lại của tài sản cố định, giá trị chi phí xây dựng cơ bản dở dang, các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn và các khoản đầu tư tài chính dài hạn của doanh nghiệp.
<i>Cách tính</i>	52 chỉ số thành phần trong PII 2024 được chuẩn hóa về một thang đo chung trong khoảng [0, 100], với ngầm định rằng địa phương có điểm số càng cao thì kết quả của họ càng tốt. Phương pháp được sử dụng để chuẩn hóa là phương pháp min – max, trong đó các “min” và “max” tương ứng với các giá trị nhỏ nhất và lớn nhất đối với các chỉ số thuận và ngược lại với các chỉ số nghịch. Công thức dưới đây mô tả phương pháp min – max: Chỉ số thuận: Điểm số chuẩn hóa của địa phương $i = \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \text{min}}{\text{max} - \text{min}} * 100$ Chỉ số nghịch đảo (trong PII 2024 có 1 chỉ số nghịch đảo là chỉ số 4.1.2. Tài chính vi mô/GRDP): Điểm số chuẩn hóa của địa phương $i = 100 - \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \text{min}}{\text{max} - \text{min}} * 100$
<i>Nguồn dữ liệu</i>	Cục Thống kê, Bộ Tài chính

24.2. Quy mô thị trường

24.2.1. Số DN ngành dịch vụ và chuyên môn KH&CN/1,000 DN đang hoạt động

<i>Giải thích</i>	Các doanh nghiệp ngành dịch vụ chuyên môn, KH&CN bao gồm các ngành dịch vụ: vận tải kho bãi; dịch vụ lưu trú và ăn uống; thông tin và truyền thông; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm; hoạt động chuyên môn, KH&CN; hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ; giáo dục và đào tạo; y tế và hoạt động trợ giúp xã hội; nghệ thuật, vui chơi và giải trí; hoạt động dịch vụ khác.
<i>Cách tính</i>	52 chỉ số thành phần trong PII 2024 được chuẩn hóa về một thang đo chung trong khoảng [0, 100], với ngầm định rằng địa phương có điểm số càng cao thì kết quả của họ càng tốt. Phương pháp được sử dụng để chuẩn hóa là phương pháp min – max, trong đó các

	“min” và “max” tương ứng với các giá trị nhỏ nhất và lớn nhất đối với các chỉ số thuận và ngược lại với các chỉ số nghịch. Công thức dưới đây mô tả phương pháp min – max: Chỉ số thuận: Điểm số chuẩn hóa của địa phương $i = \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \min}{\max - \min} * 100$ Chỉ số nghịch đảo (trong PII 2024 có 1 chỉ số nghịch đảo là chỉ số 4.1.2. Tài chính vi mô/GRDP): Điểm số chuẩn hóa của địa phương $i = 100 - \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \min}{\max - \min} * 100$
<i>Nguồn dữ liệu</i>	Cục Thống kê, Bộ Tài chính

24.2.2. Mật độ doanh nghiệp trên 1,000 dân

<i>Giải thích</i>	Phản ánh quy mô thị trường của địa phương. Số doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất kinh doanh tính trên 1,000 dân của địa phương.
<i>Cách tính</i>	52 chỉ số thành phần trong PII 2024 được chuẩn hóa về một thang đo chung trong khoảng [0, 100], với ngầm định rằng địa phương có điểm số càng cao thì kết quả của họ càng tốt. Phương pháp được sử dụng để chuẩn hóa là phương pháp min – max, trong đó các “min” và “max” tương ứng với các giá trị nhỏ nhất và lớn nhất đối với các chỉ số thuận và ngược lại với các chỉ số nghịch. Công thức dưới đây mô tả phương pháp min – max: Chỉ số thuận: Điểm số chuẩn hóa của địa phương $i = \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \min}{\max - \min} * 100$ Chỉ số nghịch đảo (trong PII 2024 có 1 chỉ số nghịch đảo là chỉ số 4.1.2. Tài chính vi mô/GRDP): Điểm số chuẩn hóa của địa phương $i = 100 - \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \min}{\max - \min} * 100$
<i>Nguồn dữ liệu</i>	Cục Thống kê, Bộ Tài chính

24.2.3. Đóng góp trong GDP cả nước (%)

<i>Giải thích</i>	Tỉ trọng GRDP của địa phương trong GDP cả nước.
-------------------	---

<i>Cách tính</i>	52 chỉ số thành phần trong PII 2024 được chuẩn hóa về một thang đo chung trong khoảng [0, 100], với ngầm định rằng địa phương có điểm số càng cao thì kết quả của họ càng tốt. Phương pháp được sử dụng để chuẩn hóa là phương pháp min – max, trong đó các “min” và “max” tương ứng với các giá trị nhỏ nhất và lớn nhất đối với các chỉ số thuận và ngược lại với các chỉ số nghịch. Công thức dưới đây mô tả phương pháp min – max: Chỉ số thuận: Điểm số chuẩn hóa của địa phương $i = \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \text{min}}{\text{max} - \text{min}} * 100$ Chỉ số nghịch đảo (trong PII 2024 có 1 chỉ số nghịch đảo là chỉ số 4.1.2. Tài chính vi mô/GRDP): Điểm số chuẩn hóa của địa phương $i = 100 - \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \text{min}}{\text{max} - \text{min}} * 100$
<i>Nguồn dữ liệu</i>	Địa phương cung cấp

25. Hoạt động kinh tế số

25.1.	Tỷ trọng kinh tế số trong GDP	Là chỉ tiêu thể hiện quy mô của các hoạt động kinh tế số so với GDP trong kỳ báo cáo. Kinh tế số là hoạt động kinh tế sử dụng công nghệ số và dữ liệu số làm yếu tố đầu vào chính, sử dụng môi trường số làm không gian hoạt động chính, sử dụng công nghệ thông tin - viễn thông để tăng năng suất lao động, đổi mới mô hình kinh doanh và tối ưu hóa cấu trúc nền kinh tế. Kinh tế số bao gồm: - Kinh tế số ICT là hoạt động công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông và hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông; - Kinh tế số nền tảng là hoạt động kinh tế của các nền tảng số; các hệ thống trực tuyến kết nối giữa cung, cầu	Thuộc diễn giải nội dung các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đối với phát triển kinh tế - xã hội Nguồn Cục Thông tin Thống kê
-------	-------------------------------	---	---

		và các dịch vụ trực tuyến trên mạng; - Kinh tế số ngành là hoạt động kinh tế số trong các ngành, lĩnh vực.	
25.2.	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GDP	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong tổng sản phẩm trong nước là tỷ lệ phần trăm giữa tổng giá trị tăng thêm do kinh tế số tạo ra so với tổng sản phẩm trong nước trong kỳ báo cáo. Chỉ tiêu này cho thấy vai trò và mức độ phát triển của kinh tế số trong cơ cấu nền kinh tế, đồng thời là căn cứ đánh giá hiệu quả chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ số trong các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội.	Thuộc diễn giải nội dung các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đối với phát triển kinh tế - xã hội Nguồn Cục Thông tin Thống kê

II. Nhóm tiêu chí đánh giá tác động (02 chỉ tiêu)

26. Tác động đến sản xuất- kinh doanh

26.1. Chỉ số sản xuất công nghiệp [Nguồn: Cục Thống kê, Bộ Tài chính]

<i>Giải thích</i>	Chỉ số sản xuất công nghiệp là chỉ tiêu đánh giá tốc độ phát triển sản xuất ngành công nghiệp hàng tháng, quý, năm. Chỉ số được tính dựa trên khối lượng sản phẩm sản xuất, nên còn được gọi là “chỉ số khối lượng sản phẩm công nghiệp”. Trong PII, chỉ số sản xuất công nghiệp được trung bình 3 năm liên tiếp gần nhất.
<i>Cách tính</i>	52 chỉ số thành phần trong PII 2024 được chuẩn hóa về một thang đo chung trong khoảng [0, 100], với ngầm định rằng địa phương có điểm số càng cao thì kết quả của họ càng tốt. Phương pháp được sử dụng để chuẩn hóa là phương pháp min – max, trong đó các “min” và “max” tương ứng với các giá trị nhỏ nhất và lớn nhất đối với các chỉ số thuận và ngược lại với các chỉ số nghịch. Công thức dưới đây mô tả phương pháp min – max: Chỉ số thuận: Điểm số chuẩn hóa của địa phương $i = \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \text{min}}{\text{max} - \text{min}} * 100$ Chỉ số nghịch đảo (trong PII 2024 có 1 chỉ số nghịch đảo là chỉ số 4.1.2. Tài chính vi mô/GRDP): Điểm số chuẩn hóa của địa phương $i = 100 - \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \text{min}}{\text{max} - \text{min}} * 100$
<i>Nguồn dữ liệu</i>	Cục Thống kê, Bộ Tài chính.

26.2. Số sản phẩm OCOP 4 sao trở lên/tổng số xã [Nguồn: Địa phương cung cấp]

<i>Giải thích</i>	Chương trình OCOP là chương trình trọng tâm phát triển kinh tế khu vực nông thôn theo hướng phát huy nội lực và gia tăng giá trị; là giải pháp và nhiệm vụ quan trọng trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) xây dựng nông thôn mới (NTM) giai đoạn 2021 - 2025; xây dựng NTM đi vào chiều sâu, hiệu quả và bền vững (Theo QĐ 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022). Các sản phẩm OCOP phải được cấp giấy chứng nhận và còn thời hạn theo quy định. Chỉ tính các sản phẩm đạt 4 sao trở lên. Số lượng sản phẩm OCOP 4 sao trở lên được tính trên tổng số xã là các đơn vị hành chính cấp xã, bao gồm thị trấn, phường, xã.
<i>Cách tính</i>	52 chỉ số thành phần trong PII 2024 được chuẩn hóa về một thang đo chung trong khoảng [0, 100], với ngầm định rằng địa phương có điểm số càng cao thì kết quả của họ càng tốt. Phương pháp được sử dụng để chuẩn hóa là phương pháp min – max, trong đó các “min” và “max” tương ứng với các giá trị nhỏ nhất và lớn nhất đối với các chỉ số thuận và ngược lại với các chỉ số nghịch. Công thức dưới đây mô tả phương pháp min – max: Chỉ số thuận: Điểm số chuẩn hóa của địa phương $i = \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \text{min}}{\text{max} - \text{min}} * 100$ Chỉ số nghịch đảo (trong PII 2024 có 1 chỉ số nghịch đảo là chỉ số 4.1.2. Tài chính vi mô/GRDP): Điểm số chuẩn hóa của địa phương $i = 100 - \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \text{min}}{\text{max} - \text{min}} * 100$
<i>Nguồn dữ liệu</i>	Địa phương cung cấp, Cục Thống kê, Bộ Tài chính.

26.3. Giá trị xuất khẩu/GRDP [Nguồn: Cục Thống kê, Bộ Tài chính]

<i>Giải thích</i>	Trị giá thống kê hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu là trị giá do cơ quan hải quan xây dựng phục vụ cho mục đích thống kê trên cơ sở trị giá khai báo và tuân theo nguyên tắc quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan.
<i>Cách tính</i>	52 chỉ số thành phần trong PII được chuẩn hóa về một thang đo chung trong khoảng [0, 100], với ngầm định rằng địa phương có điểm số càng cao thì kết quả của họ càng tốt. Phương pháp được sử dụng để chuẩn hóa là phương pháp min – max, trong đó các “min” và “max” tương ứng với các giá trị nhỏ nhất và lớn nhất đối với các chỉ số thuận và ngược lại với các chỉ số nghịch. Công thức dưới đây mô tả phương pháp min – max:

	Chỉ số thuận: Điểm số chuẩn hóa của địa phương $i = \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \min}{\max - \min} * 100$ Chỉ số nghịch đảo (trong PII 2024 có 1 chỉ số nghịch đảo là chỉ số 4.1.2. Tài chính vi mô/GRDP): Điểm số chuẩn hóa của địa phương $i = 100 - \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \min}{\max - \min} * 100$
<i>Nguồn dữ liệu</i>	Tổng cục Hải quan, Địa phương cung cấp

26.4. Tốc độ tăng năng suất lao động [Nguồn: Cục Thống kê, Bộ Tài chính]

<i>Giải thích</i>	Năng suất lao động phản ánh hiệu suất làm việc của lao động, đo bằng tổng sản phẩm tính bình quân một lao động trong thời kỳ tham chiếu. Tốc độ tăng năng suất lao động thể hiện năng suất lao động cải thiện được như thế nào của năm tham chiếu so với năm trước đó.
<i>Cách tính</i>	52 chỉ số thành phần trong PII được chuẩn hóa về một thang đo chung trong khoảng [0, 100], với ngầm định rằng địa phương có điểm số càng cao thì kết quả của họ càng tốt. Phương pháp được sử dụng để chuẩn hóa là phương pháp min – max, trong đó các “min” và “max” tương ứng với các giá trị nhỏ nhất và lớn nhất đối với các chỉ số thuận và ngược lại với các chỉ số nghịch. Công thức dưới đây mô tả phương pháp min – max: Chỉ số thuận: Điểm số chuẩn hóa của địa phương $i = \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \min}{\max - \min} * 100$ Chỉ số nghịch đảo (trong PII 2024 có 1 chỉ số nghịch đảo là chỉ số 4.1.2. Tài chính vi mô/GRDP): Điểm số chuẩn hóa của địa phương $i = 100 - \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \min}{\max - \min} * 100$
<i>Nguồn dữ liệu</i>	Cục Thống kê, Bộ Tài chính

27. Tác động đến KT-XH

27.1. Tốc độ giảm nghèo [Nguồn: Cục Thống kê, Bộ Tài chính]

<i>Giải thích</i>	Chuẩn nghèo là căn cứ để đo lường và giám sát mức độ thiếu hụt về thu nhập và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân;
-------------------	---

	là cơ sở xác định đối tượng để thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội và hoạch định các chính sách kinh tế - xã hội khác. Các tiêu chí đo lường nghèo đa chiều giai đoạn 2022 – 2025 theo Nghị định 07/2021/NĐ-CP.
<i>Cách tính</i>	52 chỉ số thành phần trong PII được chuẩn hóa về một thang đo chung trong khoảng [0, 100], với ngầm định rằng địa phương có điểm số càng cao thì kết quả của họ càng tốt. Phương pháp được sử dụng để chuẩn hóa là phương pháp min – max, trong đó các “min” và “max” tương ứng với các giá trị nhỏ nhất và lớn nhất đối với các chỉ số thuận và ngược lại với các chỉ số nghịch. Công thức dưới đây mô tả phương pháp min – max: Chỉ số thuận: Điểm số chuẩn hóa của địa phương $i = \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \text{min}}{\text{max} - \text{min}} * 100$ Chỉ số nghịch đảo (trong PII 2024 có 1 chỉ số nghịch đảo là chỉ số 4.1.2. Tài chính vi mô/GRDP): Điểm số chuẩn hóa của địa phương $i = 100 - \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \text{min}}{\text{max} - \text{min}} * 100$
<i>Nguồn dữ liệu</i>	Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội.

27.2. Tỷ lệ lao động có việc làm trong nền kinh tế/tổng dân số [Nguồn: Cục Thống kê, Bộ Tài chính]

<i>Giải thích</i>	Theo Bộ luật lao động Việt Nam, độ tuổi lao động tối thiểu của người lao động là đủ 15 tuổi. Lao động có việc làm của địa phương đang có việc làm so với tổng dân số của địa phương trong cùng một năm.
<i>Cách tính</i>	52 chỉ số thành phần trong PII được chuẩn hóa về một thang đo chung trong khoảng [0, 100], với ngầm định rằng địa phương có điểm số càng cao thì kết quả của họ càng tốt. Phương pháp được sử dụng để chuẩn hóa là phương pháp min – max, trong đó các “min” và “max” tương ứng với các giá trị nhỏ nhất và lớn nhất đối với các chỉ số thuận và ngược lại với các chỉ số nghịch. Công thức dưới đây mô tả phương pháp min – max: Chỉ số thuận: Điểm số chuẩn hóa của địa phương $i = \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \text{min}}{\text{max} - \text{min}} * 100$ Chỉ số nghịch đảo (trong PII 2024 có 1 chỉ số nghịch đảo là chỉ số 4.1.2. Tài chính vi mô/GRDP): Điểm số chuẩn hóa của địa phương $i = 100 - \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \text{min}}{\text{max} - \text{min}} * 100$
<i>Nguồn dữ liệu</i>	Cục Thống kê, Bộ Tài chính.

liệu	
------	--

27.3. Chỉ số thu nhập bình quân đầu người [Nguồn: Cục Thống kê, Bộ Tài chính]

<i>Giải thích</i>	Thu nhập bình quân đầu người 1 tháng được tính bằng cách chia tổng thu nhập trong năm của hộ dân cư cho số nhân khẩu của hộ và chia cho 12 tháng. Thu nhập của hộ là toàn bộ số tiền và giá trị hiện vật quy thành tiền sau khi đã trừ chi phí sản xuất mà hộ và các thành viên của hộ nhận được trong một thời gian nhất định, thường là 1 năm.
<i>Cách tính</i>	52 chỉ số thành phần trong PII được chuẩn hóa về một thang đo chung trong khoảng [0, 100], với ngầm định rằng địa phương có điểm số càng cao thì kết quả của họ càng tốt. Phương pháp được sử dụng để chuẩn hóa là phương pháp min – max, trong đó các “min” và “max” tương ứng với các giá trị nhỏ nhất và lớn nhất đối với các chỉ số thuận và ngược lại với các chỉ số nghịch. Công thức dưới đây mô tả phương pháp min – max: Chỉ số thuận: Điểm số chuẩn hóa của địa phương $i = \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \text{min}}{\text{max} - \text{min}} * 100$ Chỉ số nghịch đảo (trong PII 2024 có 1 chỉ số nghịch đảo là chỉ số 4.1.2. Tài chính vi mô/GRDP): Điểm số chuẩn hóa của địa phương $i = 100 - \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \text{min}}{\text{max} - \text{min}} * 100$
<i>Nguồn dữ liệu</i>	Cục Thống kê, Bộ Tài chính.

27.4. Chỉ số phát triển con người [Nguồn: Cục Thống kê, Bộ Tài chính]

<i>Giải thích</i>	HDI là Chỉ tiêu kinh tế - xã hội tổng hợp đo lường sự phát triển của con người trên 3 phương diện: Sức khỏe, giáo dục và thu nhập của quốc gia, vùng lãnh thổ hoặc địa bàn địa phương của quốc gia, vùng lãnh thổ trong kỳ quan sát.
<i>Cách tính</i>	52 chỉ số thành phần trong PII được chuẩn hóa về một thang đo chung trong khoảng [0, 100], với ngầm định rằng địa phương có điểm số càng cao thì kết quả của họ càng tốt. Phương pháp được sử dụng để chuẩn hóa là phương pháp min – max, trong đó các “min” và “max” tương ứng với các giá trị nhỏ nhất và lớn nhất đối với các chỉ số thuận và ngược lại với các chỉ số nghịch. Công thức dưới đây mô tả phương pháp min – max: Chỉ số thuận: Điểm số chuẩn hóa của địa phương $i = \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \text{min}}{\text{max} - \text{min}} * 100$ Chỉ số nghịch đảo (trong PII 2024 có 1 chỉ số nghịch đảo là chỉ số 4.1.2. Tài chính vi mô/GRDP):

	Điểm số chuẩn hóa của địa phương $i = 100 - \frac{\text{Giá trị dữ liệu của địa phương } i - \text{min}}{\text{max} - \text{min}} * 100$
<i>Nguồn dữ liệu</i>	Cục Thống kê, Bộ Tài chính.